TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/KDTM-ST
Ngày: 23-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Sỹ Tiến

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh và thương mại thụ lý số 50/2022/TLST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐ-KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty CP PN

Địa chỉ: Lô C, Phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Phi H – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt); Ông Võ Minh N là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2022). (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH PMH

Địa chỉ: 721A B, Phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đinh Thị G – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2022 và các lần làm việc tại Tòa, nguyên

đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty CP PN (gọi tắt là Công ty TP) và Công ty TNHH PMH(gọi tắt là Công ty PMH) là đối tác mua bán ống nhựa nhãn hiệu Nhựa Tiền Phong từ năm 2015.

Tháng 01/2015, hai bên ký Hợp đồng kinh tế số 020/2015/NPP về việc thỏa thuận Công ty TNHH PMH làm nhà phân phối để phân phối các sản phẩm do Công ty CP PN cung cấp hoặc sản xuất; thời hạn hợp đồng từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015.

Ngày 01/01/2016, các bên tiếp tục ký hợp đồng nguyên tắc số 016/2016/NPP về việc thỏa thuận Công ty TNHH PMH làm nhà phân phối để phân phối các sản phẩm do Công ty CP PN cung cấp hoặc sản xuất; thời hạn hợp đồng từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2016.

Quá trình thực hiện các hợp đồng trên, Công ty CP PN đã giao hàng đầy đủ và đúng chất lượng cho Công ty PMH.

Đến tháng 9/2018, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ và Công ty PMH xác nhận còn nợ Công ty TP số tiền là 164.390.649đ (một trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm chín mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín đồng).

Công ty TP đã nhiều lần yêu cầu Công ty PMH phải thanh toán công nợ nhưng Công ty PMH không thực hiện.

Vì vậy, Công ty TP khởi kiện yêu cầu Công ty PMH phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 164.390.649đ (một trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm chín mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín đồng) và tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 357 BLDS tính từ ngày 01/10/2018 đến thời điểm xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi suất, cụ thể yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 07/10/2022 đến thời điểm xét xử là 8 tháng với số tiền là 10.959.377đ (mười triệu chín trăm năm mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi bảy đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 18/10/2022 của Công ty CP PN thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa". Tranh chấp phát sinh giữa Công ty CP PN và Công ty TNHH PMH là tranh chấp phát sinh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận và bị đơn có trụ sở hoạt động tại thành phố Vũng Tàu nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh và thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa thì thấy: bị đơn – người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH PMH đã được Tòa án đã tống đạt, niêm yết giấy báo hợp lệ yêu cầu đến Tòa để làm việc, hòa giải, xét xử, tuy nhiên vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Theo hồ sơ do nguyên đơn cung cấp thì: Tháng 01/2015, giữa Công ty TP và Công ty PMH đã ký kết hợp đồng kinh tế số 020/2015/NPP và ngày 01/01/2016, các bên tiếp tục ký Hợp đồng nguyên tắc số 016/2016/NPP về việc thỏa thuận Công ty PMH làm nhà phân phối để phân phối các sản phẩm do Công ty TP cung cấp hoặc sản xuất. Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

[2.1] Xét yêu cầu về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 164.390.649đ (một trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm chín mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín đồng) thì thấy:

Căn cứ các Hóa đơn giá trị gia tăng do nguyên đơn cung cấp thì nguyên đơn đã thực hiện việc giao hàng đúng chủng loại cho bị đơn, sau khi trừ đi số tiền chiết khấu mà bị đơn được hưởng thì số tiền bán hàng phải thanh toán tiền bán hàng lại cho nguyên đơn là 203.833.902đ (hai trăm lẻ ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn chín trăm lẻ hai đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty PMH đã thanh toán một phần số tiền hàng; số tiền còn lại chưa thanh toán là 164.390.649đ (một trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm chín mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín đồng). Căn cứ Thư xác nhận công nợ tháng 9 năm 2018 thì Công ty PMH xác nhận đến 30/9/2018 còn nợ Công ty TP số tiền mua hàng là 164.390.649đ (một trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm chín mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và triệu tập bị đơn đến làm việc liên quan đến việc ký kết hợp đồng và thanh toán nợ tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong vụ án để giải quyết. Như vậy, có căn cứ xác định Công ty PMH đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của mình theo các hợp đồng đã ký và số tiền còn nợ là 164.390.649đ (một trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm

chín mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín đồng). Nay căn cứ Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005 thì yêu cầu của Công ty TP là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu về việc thanh toán tiền lãi suất:

Theo Hợp đồng kinh tế số 020/2015/NPP thì các bên không có thỏa thuận về lãi suất do chậm thanh toán; tại khoản 6 Điều 8 Hợp đồng nguyên tắc số 016/2016/NPP thì các bên thỏa thuận lãi suất trong trường hợp chậm thanh toán tiền hàng được tính theo lãi suất cho vay của ngân hàng Vietcombank tại thời điểm phát sinh việc trả chậm nhưng các bên không xác định được mức lãi suất cho vay theo loại hình cho vay nào (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn….) nên được coi là có thỏa thuận về lãi suất nhưng không xác định được mức lãi suất. Mặt khác, khi chốt công nợ vào tháng 9 năm 2018, các bên chỉ thống nhất chốt lại công nợ mà không có thỏa thuận về lãi suất nên căn cứ quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 thì "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.", vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất do chậm thanh toán là phù hợp quy định pháp luật.

Về mức lãi suất: Căn cứ bảng mức lãi do các Ngân hàng cung cấp tại thời điểm xét xử thì mức lãi suất quá hạn của các Ngân hàng cao hơn mức lãi suất 10%/năm mà Công ty TP yêu cầu. Xét thấy, mức lãi suất mà Công ty TP yêu cầu là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Về thời hạn tính tiền lãi: Theo yêu cầu khởi kiện ngày 18/10/2022, Công ty TP yêu cầu Công ty PMH phải thanh toán số tiền lãi suất do chậm thanh toán tính từ ngày 01/10/2018 đến thời điểm xét xử. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu trả tiền lãi suất tính từ ngày 07/10/2022 cho đến thời điểm xét xử là 8 tháng. Xét yêu cầu thay đổi không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi của nguyên đơn.

Vì vậy, cần buộc Công ty PMH phải có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi suất do chậm thanh toán tính từ ngày 07/10/2022 đến thời điểm xét xử (8 tháng) với mức lãi suất 10%/năm là: 8 tháng*164.390.649đ*10%/năm = 10.959.377đ (mười triệu chín trăm năm mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi bảy đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[3] Về án phí:

Công ty PMH phải nộp tiền án phí đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty TP là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 306 Luật Thương mại 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP PN.

Buộc Công ty TNHH PMH phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty CP PN số tiền 175.350.026đ (một trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn không trăm hai mươi sáu đồng), trong đó bao gồm 164.390.649đ (một trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm chín mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín đồng) tiền nợ gốc và 10.959.377đ (mười triệu chín trăm năm mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi bảy đồng) tiền lãi suất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH PMH phải nộp số tiền 8.767.501đ (tám triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm lẻ một đồng)

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm ngàn đồng) cho Công ty CP PN theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0003629 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với người vắng mặt cũng 15 ngày tính từu ngày nhận được bản án) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hồng Lợi